

CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ SỰ CAN THIỆP CỦA HOA KỲ- TỪ GÓC NHÌN CỦA HỌC GIẢ NƯỚC NGOÀI

Trần Hạnh Minh Phương¹

Theo chính sử Việt Nam, chính quyền Ngô Đình Diệm được lập nên và bị lật đổ đều là “kịch bản” của Mỹ, và đây là chính quyền bù nhìn, một thời kỳ đen tối trong lịch sử Việt Nam, nên các nhà sử học Việt Nam thường né tránh giai đoạn lịch sử “nhạy cảm” trong các nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, với các học giả nước ngoài chính quyền Ngô Đình Diệm là một vấn đề lý thú còn đang được tranh luận rất sôi nổi: Một số sử gia coi chính quyền này là công cụ chính trị trong tay người Mỹ, số khác coi Ngô Đình Diệm điều hành miền Nam độc lập mang nặng truyền thống phong kiến Việt Nam. Một số nghiên cứu gần đây còn cho rằng chính quyền Ngô Đình Diệm có viễn kiến riêng về hướng phát triển cho miền Nam Việt Nam.

Khác với vấn đề chính quyền Việt Nam Cộng hòa, sự can thiệp của Mỹ ở Việt Nam là chủ đề được đề cập nhiều trong các công trình lịch sử chống ngoại xâm của Việt Nam. Từ góc nhìn của người Việt Nam, các tác giả đều nhận định Mỹ đã tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa nên tất yếu phải thất bại cho dù họ có sử dụng vũ khí tân tiến nhất với lực lượng viễn chinh hùng hậu nhất. Nhưng về phía sử gia người Mỹ, vấn đề này cũng có ba trường phái ý kiến khác nhau.

Bài viết này nhằm lược thuật những ý kiến khác nhau của các học giả nước ngoài về chính quyền Ngô Đình Diệm và sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam trong bài viết “*Vietnam’s Changing Historiography: Ngo Dinh Diem and America’s Leadership*” của Derek Shidler (2008) (Trong Shelton’s History 5000, Historiography, in the fall of 2008).

Theo tác giả, chiến tranh Việt Nam là chủ đề được nhiều học giả quan tâm. Sau khi chiến tranh kết thúc, hầu hết các học giả đều phê phán sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Đông Dương, những cuộc tranh luận sôi nổi diễn ra trên các diễn đàn hội thảo, tạp chí và các sách sử theo ba khuynh hướng. Những học giả chính thống [Orthodox scholars] theo học thuyết truyền thống cho rằng sự dính líu của Mỹ vào chiến tranh là phi nghĩa, không thể thắng được, trong khi những người *xét lại* [revisionists] tin rằng chiến tranh làm cho Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào có thể phát triển độc lập và ổn định. Cuộc tranh luận sôi nổi tập trung vào hai vấn đề chính: Ngô Đình Diệm và sự cầm quyền của ông ở miền Nam Việt Nam và sự lãnh đạo kém cỏi của những tổng thống và quan chức Mỹ đối với vấn đề Việt Nam. Những học giả chính thống cho rằng chính quyền Ngô Đình Diệm là một chính quyền bù nhìn độc tài, tham nhũng trong khi những người *xét lại* tin rằng Diệm là một nhà lãnh đạo độc lập biết rõ những gì cần làm để chính quyền mới lập nên của ông được tồn tại. Theo những học giả chính thống, những tổng thống Mỹ John Fitzgerald Kennedy và Lyndon Baines Johnson và những quan chức cao cấp khác đã làm điều tốt nhất có thể để kiểm soát tình hình ở miền Nam mặc dù cuộc chiến đã bị thất bại ngay từ lúc bắt đầu. Những người *xét lại* không tin rằng cuộc chiến thất bại ở chiến trường mà là

¹ Tiến sĩ, Trường Đại học Thủ Dầu Một. Email: thmpuongkhxh@gmail.com

bị thất bại bởi những quyết định thiếu sự tập trung vào cuộc chiến. Gần đây, một nhóm học giả khác đặt nặng vấn đề này, họ cho rằng Hoa Kỳ đã chiến thắng từ sau những năm 1970. Nội dung dưới đây sẽ lược thuật quan điểm của ba trường phái quan điểm trên.

1. Về chính quyền Ngô Đình Diệm

Trong công trình của Philip Cattons *Diem's Final Failure: Prelude to America's War in Vietnam* [*Sự thất bại cuối cùng của Diệm: Mở đầu cho cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam*] không nỗ lực biện minh cho những lỗi lầm của Diệm nhưng mô tả Diệm như một người theo chủ nghĩa dân tộc hiện đại, quyết tâm theo đuổi chương trình của riêng ông. Diệm khao khát thiết lập một chính thể của riêng ông ở miền Nam và đã được sự ủng hộ của Kennedy. Catton giải thích rằng trong sự nỗ lực tìm kiếm một tổng thống đáng tin cậy cho miền Nam, Hoa Kỳ đã chọn Ngô Đình Diệm. Catton chỉ ra rằng Diệm đã rất e ngại sự can thiệp của Hoa Kỳ vào thể chế chính quyền miền Nam. Để thực hiện tầm nhìn về sự toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, Diệm kêu gọi sự ủng hộ của giai cấp nông dân miền Nam và giảm thiểu sự can thiệp của Mỹ vào chính quyền miền Nam. Catton nhận định chương trình áp chiến lược không chỉ để đánh bại Mặt trận Dân tộc giải phóng [NLF] mà còn nhằm làm cho miền Nam thoát khỏi sự kiểm soát của Mỹ. Hơn nữa, Catton giải thích rằng Kennedy và quan chức cấp cao Mỹ không hiểu một cách đầy đủ ý định của Diệm và tình hình văn hóa, xã hội miền Nam. Diệm hiểu rằng ông cần sự giúp đỡ của Mỹ nhưng cũng biết rõ rằng sự can thiệp của Mỹ sẽ khiến ông trở thành kẻ bù nhìn của Washington. Cuối cùng, Catton đề nghị lật đổ Diệm và thúc đẩy Mỹ hóa chiến tranh Việt Nam.

Keith Taylor, dẫn đầu những người *xét lại*, khuấy động việc đánh giá lại về chiến tranh Việt Nam trong bài viết “*How I began to Teach About the Vietnam war*” [*Tôi bắt đầu dạy về chiến tranh Việt Nam như thế nào*]. Taylor đưa ra tiền đề liên quan đến chiến tranh: Thứ nhất, không có một chính quyền phi cộng sản hợp pháp ở Sài Gòn. Thứ hai, Hoa Kỳ không có lý do hợp pháp để dính líu vào Việt Nam. Thứ ba, Hoa Kỳ không thể thắng trong cuộc chiến này dưới bất kỳ hoàn cảnh nào. Taylor giải thích Diệm thật sự là một nhà lãnh đạo giỏi - không phải là tay sai của Mỹ [not an American lackey]. Keith mô tả Diệm là một người biết rõ những gì cần thiết cho sự tồn tại của chính quyền miền Nam nhưng cuộc ám sát được sự hậu thuẫn của Mỹ đã chấm dứt sự cầm quyền ngắn ngủi của ông.

Khi Keith Taylor khơi dậy việc đánh giá lại cuộc chiến tranh Việt Nam, Mark Moyar tiếp tục đẩy cuộc tranh luận này đi xa hơn nữa. Công trình của Moyar *Triumph Forsaken: The Vietnam War, 1954 – 1965* [*Chiến thắng bị từ bỏ: Chiến tranh Việt Nam, 1954 - 1965*] giải thích chính quyền Mỹ thất bại ở miền Nam về phương diện đạo đức và chính trị do họ ủng hộ cuộc đảo chính Diệm. Moyar cho rằng những nhà sử học xem Diệm như một nhà độc tài, gia đình trị châu Á vì vậy sự lãnh đạo của ông trở nên kém hiệu quả. Moyar thừa nhận bản chất độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm nhưng cho rằng điều đó là cần thiết. Miền Nam đang đấu tranh để tồn tại nên cần có một nhà lãnh đạo độc tài như thế. Theo Moyar, trong hai năm 1962-1963, quân đội miền Nam trở nên hùng hậu dưới sự lãnh đạo của Diệm. Và theo Moyar, sau cuộc ám sát Diệm, miền Nam trở nên hỗn loạn.

Trái ngược với những nhận định trên, Robert Buzzanco trong nhan đề bài viết “*How I Learned to Quit Worrying and Love Vietnam and Iraq*” [Tôi biết từ bỏ lo lắng và yêu Việt Nam, Iraq như thế nào] cho rằng Diệm đã dàn xếp những hoạt động tham nhũng bao gồm việc đưa những người thân trong gia đình vào những vị trí cao trong chính phủ, lũng đoạn thị trường chợ đen, sa thải không thương tiếc 6000 sĩ quan quân đội và thay thế họ bằng những người kém cỏi hơn nhưng trung thành hơn. Ông đã bỏ tù hơn 40.000 tù chính trị, hành quyết hơn 12.000 người, chiếm giữ 650.000 hecta đất làm cho nông dân không có đất để canh tác. Buzzanco cũng cho rằng nếu miền Nam muốn người Mỹ có mặt trên vùng đất của họ thì tại sao có nhiều cuộc đấu tranh nhằm trục xuất người Mỹ? Buzzanco cho rằng người dân miền Nam không muốn người Mỹ hiện diện trên mảnh đất quê hương họ, và động cơ duy nhất của Hoa Kỳ là chủ nghĩa đế quốc. David Halberstam ủng hộ những lập luận của Buzzanco trong bài viết “*The Best and the Brightest*” [Điều tốt nhất và sáng giá nhất] cho rằng chính quyền Diệm thiếu vắng tính chính đáng và bị tha hóa vì tham nhũng.

Trong công trình *War Stories: The Taylor – Buzzanco Debate and How We Think About the Vietnam War* [Lịch sử chiến tranh: Cuộc tranh luận giữa Taylor – Buzzanco và chúng ta nghĩ về chiến tranh Việt Nam như thế nào] của nhà sử học Edward Miller đề cập đến hai quan điểm trái chiều nhau của Keith Taylor và Buzzanco về tính hợp pháp của Diệm. Miller không đồng ý với quan điểm của Buzzanco phê phán Diệm là một người bù nhìn nhu nhược phụ thuộc Mỹ. Theo Miller, Buzzanco tin rằng Diệm là người được Mỹ chọn lựa để Mỹ hóa miền Nam. Mặt khác, Miller cho rằng Diệm đã tích cực thúc đẩy việc hiện đại hóa miền Nam. Việc Diệm quyết tâm theo đuổi mục tiêu của mình làm ông trở thành một người tự trị hơn Buzzanco nhận biết. Buzzanco cho rằng chương trình hoạt động của Diệm chỉ nhằm để tăng cường quyền lực của gia đình ông. Tuy nhiên, Miller phản bác không có chứng cứ đáng tin cậy cho thấy Diệm là “tay chân” [hand - picked] hoặc là một nhà lãnh đạo tham nhũng quá đáng.

Miller giải thích rằng Diệm thể hiện sự tự chủ của ông bằng cách phân chia lại ruộng đất cho nông dân. Thay vì phân chia lại tài sản của địa chủ, Diệm lại chuyển hàng ngàn nông dân vào định cư ở những khu dinh điền. Miller ủng hộ nghiên cứu của Philip Catton về chương trình Ấp chiến lược, là dự án hiện đại hóa của Diệm. Miller cho rằng Diệm đang cố gắng hiện đại hóa miền Nam và không lệ thuộc vào Hoa Kỳ.

Cùng quan điểm với Taylor, quan điểm chính thống của Gabriel Kolko mô tả Diệm như một nhà lãnh đạo độc tài, tham nhũng. Kolko giải thích những năm đầu 1960 Mỹ đã không thể kiểm soát sự tham nhũng và sự bạo ngược của chính quyền Diệm. Kolko cho rằng tổng thư ký Liên hiệp quốc, Dean Rush nhấn mạnh tình trạng tiến thoái lưỡng nan trong tuần lễ Kennedy nắm quyền, Mỹ buộc Diệm phải làm những điều mà ông không muốn làm để có được sự hậu thuẫn của Mỹ. Năm 1961, Diệm có được sự tôn trọng và ủng hộ hoàn toàn của chính phủ Kennedy. Hơn nữa, Diệm làm ngơ những đề nghị nhả nhận của phía Mỹ, Kolko viết “tốt nhất [chỉ] đồng ý để nghiên cứu chúng (những đề nghị của Mỹ)”

Như tự hủy hoại sự nghiệp của mình, Diệm bắt đầu giam cầm hàng ngàn, và không ngừng đàn áp những người chỉ trích mình là thường dân không phải là người của Mặt trận giải phóng, những sĩ quan. Ngày 8 tháng 5 năm 1963, Diệm ra lệnh giết chín

Hòa thượng đã biểu tình chống Diệm tại Huế. Mark Moyar không đồng ý với quan điểm chính thống của Kolko lên án Diệm tội giết người và đàn áp Phật tử. Moyar cho rằng những phóng viên có mối quan hệ thân thiết với những lãnh tụ Phật giáo – Những Hòa thượng mang những biểu ngữ chống Diệm bằng tiếng Anh và họ khiến cho thanh niên cảm thấy họ có ý nghĩa. Đến lượt những phóng viên chiến trường cảm thấy thích thú với những sự kiện về những hòa thượng chống đối Diệm. Moyar còn cho rằng Diệm đã cho phép Phật tử tổ chức nhiều hoạt động mà chính quyền thuộc địa Pháp và chính phủ Hồ Chí Minh cấm đoán, nhưng sự hận thù vẫn bao trùm.

Cuộc tranh luận về Diệm và chính quyền của ông vẫn còn tiếp diễn, những học giả chính thống giữ vững những quan điểm truyền thống về Diệm, trong khi những người *xét lại* cố gắng nghiên cứu và đánh giá lại vai trò của Diệm trong chiến tranh Việt Nam. Tuy nhiên, cả hai khuynh hướng này đều có được sự tin cậy, công chúng và hầu hết những nhà sử học đều đồng ý rằng bản chất tham nhũng của chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm chỉ cản trở quá trình Mỹ can thiệp vào Việt Nam.

2. Sự can thiệp của Hoa Kỳ

Trong những năm 1990, những nhà sử học bắt đầu đánh giá lại vai trò của John F. Kennedy đối với Việt Nam, đưa đến cuộc tranh luận rằng vị tổng thống trẻ này sẽ không bị ám sát nếu không leo thang chiến tranh Việt Nam. Những người ủng hộ Kennedy như Arthur Schlesinger, Howard Jones, Fred Legevall, David Kasier, Lawrence Freedman, và những người khác cũng đã khẳng định điều này. Hơn nữa, trong Bộ phim *Oliver Stone* 1991, JFK mô tả Kennedy như một người chủ trương cho hòa bình Việt Nam, và ám chỉ rằng Lyndon Johnson là người chịu trách nhiệm cho việc leo thang xung đột. Hơn nữa, chiến tranh Việt Nam được các nhà sử học như Philip Catton, Keith Taylor, Mark Moyar, Ed Miller lật lại vấn đề, những nhà sử học này cho rằng tổng thống Kennedy và Johnson thất bại trong chiến tranh Việt Nam vì những quyết định thiếu sáng suốt, thiếu tập trung. Buzzanco đồng ý với những người *xét lại* “Tôi tin rằng Kennedy đã đưa ra những quyết định không đúng về chiến tranh Việt bởi vì ông ta không đủ tập trung vào vấn đề này và Johnson cũng vậy bởi vì chiến tranh Việt Nam không phải là ưu tiên của ông ta”.

Harry Summer, một người *xét lại* công bố công trình *On Strategy: A Critical Analysis of the Vietnam war [Về chiến lược: Một cuộc phân tích có phê phán về chiến tranh Việt Nam]* đã đưa ra những giải thích hợp lý hơn về chiến tranh Việt Nam. Summer cho rằng Mỹ thua trong chiến tranh Việt Nam là do quân đội Mỹ không được huấn luyện tốt chứ không phải do chiến lược tồi. Theo Summer, Hoa Kỳ đã làm mọi thứ để bình định miền Nam: cung cấp quân trang, quân dụng, quân đội. Tuy nhiên, tổng thống Hoa Kỳ và quan chức cao cấp của họ chỉ mong chờ về một chiến thắng mơ hồ. Summer và những nhà sử học bảo thủ khác như Lewis Sorley, Michael Lind, Edward Miller, Keith Taylor cho rằng Hoa Kỳ chiến thắng về quân sự nhưng vì những quyết định thiếu chính xác nên họ đã thất bại.

Những người *xét lại* cho rằng chính quyền Kennedy nhanh chóng bị sa vào “bãi lầy của chiến tranh Việt Nam” trong khi George C. Herring, một học giả chính thống phác họa Kennedy là nhà lãnh đạo cân trọng, có phần do dự. Ông đã trì hoãn việc trừng phạt Diệm trong một năm và chỉ hành động vì làn sóng phản đối Diệm dâng cao từ lực lượng đối lập. Kennedy chọn một giải pháp an toàn để bành trướng vai trò của Mỹ ở Việt

Nam. Những chính sách thiếu sự chuẩn bị của Kennedy đã khiến Diệm tiếp tục con đường lũng đoạn. Cũng có quan điểm của Herring, nhà sử học James S.Olson và Randy Robert mô tả chi tiết hơn trong công trình *Where the Domino Fell: America and Vietnam: 1945-1955*. Cả ba nhà sử học đều cho rằng chính phủ Kennedy và Johnson không có sự chuẩn bị tốt, và trong tình trạng do dự, không thể hiểu được những xung đột trong chiến tranh Việt Nam. Kennedy và Johnson sẵn sàng sử dụng vũ khí hạng nặng và tất cả gánh nặng chiến tranh làm ảnh hưởng đến chính sách đối nội của Mỹ.

Herring phát hiện ra tình trạng suy yếu của tổng thống Johnson ở Việt Nam. Trong công trình của Larry Berman *Lyndon Johnson's War: The Road to Stalemate in Vietnam [Cuộc chiến của Johnson: đang trong tình trạng bế tắc ở Việt Nam]*. Giữa những năm 1963 – 1965, Johnson chuyển từ cuộc chiến có giới hạn thành sự cam kết mở với Việt Nam. Lo sợ rằng sự dính líu vào chiến tranh Việt Nam sẽ ảnh hưởng việc tái tranh cử tổng thống, Johnson đã phát triển những cố vấn và thân cận người Mỹ cho đến năm 1965, khi miền Nam bắt đầu xuất hiện những rạn nứt. Hơn sáu tháng sau đó Johnson ra lệnh mở cuộc tổng tấn công trên không và trên bộ chống lại Bắc Việt Nam, đẩy Mỹ ngày càng sa lầy vào Đông Dương. Herring giải thích những vấn đề về chính sách đối ngoại được ban hành ngay khi ông lên nắm quyền. Vì vậy, Johnson xem cuộc xung đột như một phần chương trình của Kennedy ông có nghĩa vụ ủng hộ.

Đồng ý với quan điểm của Herring, trong công trình *Choosing War: The Lost Chance for Peace and the Escalation of War in Vietnam* cho thấy Johnson đã có nhiều lựa chọn để có thể làm chậm hoặc ngừng leo thang chiến tranh nhưng tổng thống và những cố vấn của ông đã gia tăng quân Mỹ ở Việt Nam, đẩy người Mỹ bị sa lầy vào chiến tranh. Theo Logevall, cả Kennedy và Johnson đều bỏ qua cơ hội ngừng dính líu tới Việt Nam. Trong khi đó, những nhà lãnh đạo thế giới không muốn dính líu vào vấn đề của Mỹ ở Việt Nam. Không sẵn sàng chấp nhận thất bại nên Johnson đã bỏ qua nhiều cơ hội để giảm bớt căng thẳng và cải thiện mối quan hệ với Trung Quốc và Xô Viết. Logevall cũng đưa ra nhiều chứng cứ chứng minh rằng Bộ trưởng bộ quốc phòng Dean Rusk, Bộ trưởng Bộ quốc phòng Robert McNamara và General William Westmoreland ngao mạng theo đuổi chiến tranh. Tuy nhiên, chương trình của riêng Johnson và những cố vấn quân sự của ông tiếp tục leo thang chiến tranh giết hơn 59.0000 lính Mỹ.

Những chính sách của tổng thống và quan chức cao cấp đã làm nước Mỹ bị sa lầy vào cuộc chiến không thể chiến bại. Trong công trình *Dereliction of Duty Lyndon Johnson, Robert McNamara, the Joint Chiefs of Staff and the Lie That Led Vietnam* H.R. McMaster phân tích những quyết định và quan điểm của chính quyền Johnson trong suốt năm 1966 khi quân đội Mỹ đang ở Việt Nam. McMaster cho rằng Johnson và McNamara ngăn không cho Tổng tham mưu trưởng có những quyết định về chiến tranh. Cả Johnson và McNamara tin rằng những phân tích và thống kê có thể giải quyết mọi tình huống của chiến tranh Việt Nam. Thật không may, hai vị lãnh đạo đã giết 59.000 lính Mỹ mà họ biết cuộc chiến đó không thể thắng được. McMaster tin rằng Johnson chỉ dựa vào những quyết định của ông trong chính sách đối nội. Theo McMaster, McNamara đã mất kiên nhẫn với Tổng tham mưu trưởng. Sau khi Johnson đề xuất kế hoạch của McNamara leo thang miền Bắc, Tổng tham mưu trưởng mong muốn tham mưu về quân sự cho tổng thống. Mùa hè năm 1964, theo McMaster, Văn phòng Tham mưu trưởng đã

cắt giảm quân trang, quân dụng cho chiến tranh “những kỹ thuật viên cho những nhà hoạch định chính sách trong văn phòng Bộ trưởng quốc phòng nhiều hơn những cố vấn chiến lược”. Ông nhấn mạnh chiến tranh Việt Nam đã thất bại ở Washington.

Vấn đề về chiến tranh Việt Nam còn được đề cập trong công trình *American Tragedy: Kennedy, Johnson and the Origin of the Vietnam War* của Kasier. Theo Kasier, Robert McNamara đã dẫn dắt Kennedy đi đến sai lầm là không ngừng leo thang chiến tranh Việt Nam. Đưa đến kết cục, Kennedy bị ám sát trong khi vẫn tin rằng không thể dàn xếp vấn đề Việt Nam và không thể biết tình hình thật sự ở Việt Nam. Sau cuộc ám sát Kennedy 1963, cuộc xung đột ngày càng nhanh chóng đi đến việc kết thúc chiến tranh. Johnson là một tổng thống giỏi đối với những vấn đề đối nội nhưng lại có ít kinh nghiệm về chính sách đối ngoại vì vậy đẩy nước Mỹ ngày càng bị sa lầy vào chiến tranh Việt Nam. Khác với Logevall, Kasier cho rằng sự tin tưởng và nghi ngại của Kennedy làm ông chống lại những đề xuất có liên quan nhiều đến chiến tranh Việt Nam. Theo Kasier, Kennedy miễn cưỡng đưa quân Mỹ vào Việt Nam trong khi Johnson quyết định đầu vào với Bắc Việt Nam bằng lực quân và những cuộc oanh tạc bằng bom B52. Johnson không có những chính sách đối ngoại tinh tế như Kennedy, ông không hiểu hoặc không đánh giá được những hệ quả tiêu cực từ việc Mỹ gây nên chiến tranh, Mỹ như đối đầu với phần còn lại của thế giới. Chia sẻ quan điểm với Kasier, trong công trình *The Best and the Brightest*, David Halberstam cho rằng do những tham vọng cá nhân của một số nhân vật cấp cao đã khiến nước Mỹ ngày càng lún sâu vào chiến tranh Việt Nam. Cả Kasier và Halberstam đều cho Kennedy có chủ đích từ chối lập lại những nỗ lực can thiệp vào Việt Nam do những cố vấn tiền nhiệm và những hoạt động quân sự khủng khiếp của Mỹ ở Việt Nam. Kasier cho rằng việc Mỹ gây nên chiến tranh ở Việt Nam là không cần thiết và không thể thắng được và cuộc chiến ấy đã làm chính quyền Mỹ bị thất bại nặng nề nhất trong quan hệ ngoại giao với thế giới còn lại.

Khác với Kasier, Michael Lind, trong công trình *The Necessary War: A Reinterpretation of America's Most Disastrous Military Conflict*, cho rằng việc Hoa Kỳ can thiệp vào Việt Nam là một đáp trả thích đáng đối với sự bành trướng của cộng sản và cần khẳng định sức mạnh của Hoa Kỳ. Lind bác bỏ huyền thoại Hoa Kỳ đã bỏ lỡ những cơ hội để kết thân với những người cộng sản Bắc Việt Nam. Ông nhấn mạnh không có cơ hội cho một chính phủ liên minh ở miền Nam Việt Nam và chính phủ Việt Nam Cộng hòa ít nhất cũng có cơ sở pháp lý giống chính phủ miền Bắc.

Đồng ý với quan điểm của Kasier và Halberstam, trong quyển *Kennedy's War: Berlin, Cuba, Laos, and Vietnam and Howard Jones's Death of a Generation: How the Assassination of Diem and JFK Prolonged the Vietnam War*, Lawrence Freedman cho rằng Kennedy chưa bao giờ biến Việt Nam thành chiến tranh của người Mỹ, như cách Johnson đã huy động một lực lượng lớn quân Mỹ vào Việt Nam năm 1965. Cả Freedman và Jones đều cho rằng Kennedy đã tăng cường những cố vấn mà những người này hỗ trợ miền Nam trên chiến trường nhưng chưa từng ủng hộ việc dàn trận bằng bộ binh với quân số lớn. Theo đó, Kennedy thật sự có kế hoạch rút toàn bộ quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam khi quân Việt Nam Cộng hòa trở nên lớn mạnh và có khả năng kiểm soát chính phủ.

Moyar mô tả Johnson như một chính khách bị hoàn cảnh ép buộc, trích dẫn nguyên văn lời của Johnson “Giống như một người trong máy bay và tôi buộc phải chọn việc cho máy bay lao xuống hoặc nhảy khỏi máy bay. Tôi không có đủ”. Moyar phản bác những quan điểm của trường phái chính thống về việc Hoa Kỳ liên quan đến chiến tranh Việt Nam “sai lầm và bất công”. Những phóng viên chiến trường như David Halberstam và những người khác không phê phán Ngô Đình Diệm và cũng không ca ngợi lãnh tụ Đảng cộng sản Việt Nam – Hồ Chí Minh. Moyar cho rằng sau vụ ám sát Diệm, Johnson đã bỏ lỡ nhiều sự lựa chọn chính sách tích cực cho phép miền Nam tiếp tục chiến đấu mà không cần sự hỗ trợ của quân đội Mỹ, nhưng ông đã bỏ qua những lựa chọn này do những giả định sai và thiếu sự sáng suốt. Vì vậy, Johnson phải tiến hành cuộc chiến phòng ngự giữa biên giới miền Nam Việt Nam để tránh những hậu quả quốc tế nặng nề về việc bỏ rơi những nước yếu. Johnson đã luôn mong muốn quân đội Mỹ không can thiệp vào Việt Nam, nhưng hầu hết những cố vấn của ông nghi ngờ rằng sự có mặt của lực lượng ở miền Nam Việt Nam có thể đưa đến sự thắng lợi dễ dàng. Hơn nữa, vào tháng 6/1965, Moyar nhân mạnh Johnson và những cố vấn quân sự của ông khẳng định rằng chỉ có thể sử dụng bộ binh của Mỹ mới có thể chặn đứng được quân của Bắc Việt Nam. Và một sai lầm của Johnson là làm nơng đề nghị của Tổng tham mưu trưởng rằng phải phá hoại đường mòn Hồ Chí Minh để ngăn chặn việc miền Bắc tiếp tế cho miền Nam.

Khác với tất cả những học giả trên, một người *hậu xét lại* [post - revisionist], Levis Sorley thậm chí không thừa nhận sự thất bại của Mỹ. Trong quyển sách của ông, *A Better War: The Unexamined Victories and Final Tragedy of America's Last Years in Vietnam*, cho rằng Tướng Creighton W. Abrams đã chiến thắng trên chiến trường Việt Nam năm 1971, tuy nhiên chiến thắng này không được duy trì do cuộc đàm phán của Richard Nixon và Henry Kissinger trên bàn Hội nghị Paris 1972 – 1973. Sorley cho rằng việc Tướng Westmoreland tập trung vào chiến dịch “tìm và diệt” [search and destroy] đã bỏ qua chương trình hòa bình hóa, nhưng sau đó Tướng Abrams tiếp nhận, nó là một “cuộc chiến tốt hơn” [a better war]. Theo đó, Westmoreland đã thất bại trong việc huấn luyện khả năng chiến đấu của quân đội Việt Nam Cộng hòa để họ tự chiến đấu một cách có hiệu quả. Và kết quả là Mỹ ngày càng sa lầy vào chiến tranh Việt Nam, gây nên làn sóng phản đối chính quyền Mỹ ngày càng quyết liệt ở Mỹ.

Người ta thường nói, thời gian là liều thuốc hữu hiệu nhất chữa lành các vết thương. Tuy nhiên, cho đến ngày nay, chiến tranh Việt Nam vẫn là vấn đề khó khăn và nhức nhối. Như đã đề cập ở trên, những học giả *chính thống*, những người *xét lại*, *hậu xét lại* đã có ba quan điểm khác nhau về thời kỳ đầy thử thách của lịch sử nước Mỹ. Công luận nói chung và những học giả chính thống bất đồng ý kiến với những người *xét lại*, *hậu xét lại* một phần vì ít công bố những nghiên cứu và ít được sự ủng hộ của giới học thuật. Tuy nhiên, công chúng và những nhà sử học vẫn tiếp tục nghiên cứu những thông tin mới về chiến tranh Việt Nam và những nguồn tư liệu mới này thường xuất phát từ những nhà sử học xét lại và hậu xét lại. Cuộc tranh luận sôi nổi về chiến tranh Việt Nam ngày càng đi xa hơn khi các nhà sử học tìm được những nguồn sử liệu mới để trả lời câu hỏi việc Mỹ can thiệp vào chiến trường miền Nam đúng hay sai? Tại sao Mỹ thất bại ở miền Nam?

Lời kết cho nội dung bài viết này là ý kiến của người lược thuật – từ góc nhìn của một người Việt Nam. Dù với bất cứ lý do gì việc Mỹ hậu thuẫn cho một chính quyền để duy trì tình trạng chia cắt đất nước Việt Nam là đi ngược lại với mong muốn chính đáng của dân tộc Việt Nam về một đất nước thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Nên cuộc can thiệp của Mỹ vào Việt Nam không thể xem là chính nghĩa, không được thế giới ủng hộ và tất yếu buộc Mỹ phải kết thúc sự can thiệp ấy. Về phía chính quyền Ngô Đình Diệm, dù có biện minh cách nào theo quan điểm của những người xét lại, thì sự thật về một chính quyền độc tài, gia đình trị, tham nhũng đàn áp Phật giáo không thể chối cãi, đó là những yếu tố khiến chính quyền không thể tồn tại. Tóm lại, sự thật lịch sử vẫn là sự thật lịch sử dù nhà sử học có những quan điểm khác nhau khi lý giải vấn đề. Đúng như Patrick Rael viết “Những điều như những sự kiện và phong trào chính trị, sự sai lệch về ý thức hệ, định kiến của tác giả, mối quan hệ của tác giả đối với những định chế chính trị và văn hóa hiện hành thường có ảnh hưởng đến cách viết sử”². Sự tranh luận giữa các trường phái sẽ đưa khoa học lịch sử ngày càng tiệm tiến với sự thật lịch sử và cũng là một sự cần thiết và đáng tôn trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daniel Ellsberg (2003), *Secrets: A Memoir of Vietnam and Pentagon Papers*, New York Penguin Group Press.
2. David Kasier (2000), *American Strategy: Kennedy, Johnson, and the Origin of the Vietnam War*, Cambridge Belknap Press.
3. Edward Miller (2006), “War Stories: The Taylor – Buzzanco Debate and How We Think About the Vietnam War”, *Journal of Vietnamese Studies* 1, N^o1-2, p.453 – 484.
4. Fredrik Logevall (1999), *Choosing War: The Last Chance for Peace and the Escalation of War in Vietnam*, Berkeley: University of California Press.
5. Gabriel Kolko (1994), *Anatomy of War: Vietnam, the United States, and the Modern Historical Experience*, New York: W.W: Norton & Company.
6. George C.Herring (1996), *America’s Longest War: The United States and Vietnam, 1950 – 1975*, New York McGraw-Hill.
7. H.R.McMaster (1997), *Dereliction of Duty: Lyndon Johnson, Robert McNamara, the Joints Chiefs of Staff and the Lies That Led to Vietnam*, New York: Harper Collins.
8. Harry G.Summer (1983), *On Strategy: A Critical Analysis of the Vietnam War*, Californis Pressidio Press.

² Nguyên văn “Things like political events and movements, an author’s ideological bents or biases, or an author’s relationship to existing political and cultural institutions oftens have an impact on the way history is written”, in: Patrick Rael (2004), *Reading, Writing and Researching for History*, Bowdoin College, Brunswick, Main, pp.14-15.

9. James S.Olson and Randy Roberts (1996), *Where the Domino Fell: America and Vietnam, 1945 – 1995*, New York: St. Martin's.
10. Keith Taylor (2004), "How I Began to Teach about Vietnam War", *Michigan Quarterly Review*, 43 n^o.4, p.637-647.
11. Lawrence Freedman (2000), *Kennedy's War: Berlin, Cuba, Laos and Vietnam*, New York: Oxford Press.
12. Lewis Sorley (1999), *A Better War: The Unexamined Victories and Final Tragedy of America's Last Years in Vietnam*, New York Harvest Book Harcourt.
13. Mark Moyar (2006), *Triumph Forsaken: The Vietnam War, 1954 – 1965*, New York: Cambridge University Press.
14. Michael Lind (1999), *The Necessary War: A Reinterpretation of America's Most Disastrous Military Conflict*, New York: Free Press.
15. Philip Catton (2002), *Diem's Final Failure: Prelude to America's War in Vietnam*, Lawrence University Press of Kansas.
16. Robert Buzzanco (1973), "How I Learned to Quit Worrying and Love Vietnam and Iraq"Counterpunch, <http://www.counterpunch.org/buzzanco04162005.html>; and David Halberstam, *The Best and the Brightest* (London: Barrie and Jenkins).